

- Họ và tên thí sinh:.....

Mã đề 101

- Số báo danh:.....

**PHẦN I.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án.

**Câu 1.** Nghiệm của phương trình  $\log_2 x = 3$  là

- A.  $x = 5$ .                      B.  $x = 8$ .                      C.  $x = 6$ .                      D.  $x = 9$ .

**Câu 2.** Trong không gian  $Oxyz$ , cho vector  $\vec{u} = 2\vec{i} - 5\vec{k}$ . Tọa độ của vector  $\vec{u}$  là

- A.  $(0; 2; -5)$ .                      B.  $(2; 0; 5)$ .                      C.  $(2; -5; 0)$ .                      D.  $(2; 0; -5)$ .

**Câu 3.** Trong không gian  $Oxyz$ , cho hai điểm  $A(-1; 2; 1)$  và  $B(2; 1; -3)$ . Tọa độ của vector  $\overrightarrow{AB}$  là

- A.  $\left(\frac{1}{2}; \frac{3}{2}; -1\right)$ .                      B.  $(-3; 1; 4)$ .                      C.  $(3; -1; -4)$ .                      D.  $(1; 3; -2)$ .

**Câu 4.** Nguyên hàm của hàm số  $f(x) = \sin x$  là

- A.  $\cos x + C$ .                      B.  $\frac{\sin^2 x}{2} + C$ .                      C.  $-\cos x + C$ .                      D.  $\sin x + C$ .

**Câu 5.** Giá trị nhỏ nhất của hàm số  $y = x^4 - 4x^2 + 3$  trên đoạn  $[0; 4]$  là

- A. 0.                      B.  $\sqrt{2}$ .                      C. 3.                      D. -1.

**Câu 6.** Một hộp đựng 9 tấm thẻ cùng loại được ghi số từ 1 đến 9. Rút ngẫu nhiên đồng thời hai tấm thẻ từ trong hộp. Xác suất để rút được cả hai tấm thẻ cùng ghi số chẵn là

- A.  $\frac{1}{2}$ .                      B.  $\frac{1}{3}$ .                      C.  $\frac{5}{6}$ .                      D.  $\frac{1}{6}$ .

**Câu 7.** Cấp số nhân  $(u_n)$  có  $u_1 = 2$  và  $u_2 = 6$ . Số hạng  $u_4$  của cấp số nhân là

- A. 27.                      B. 162.                      C. 54.                      D. 11.

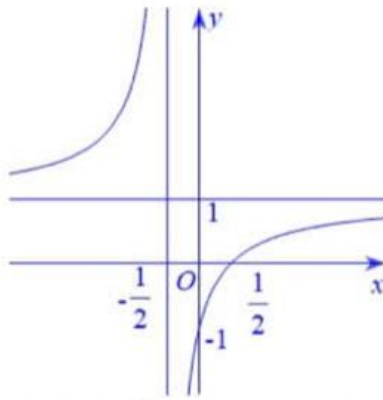
**Câu 8.** Tập nghiệm của bất phương trình  $\log_{\frac{1}{2}}(x+1) \leq \log_{\frac{1}{2}}(2x-1)$  là

- A.  $\left[\frac{1}{2}; 2\right]$ .                      B.  $\left(\frac{1}{2}; 2\right)$ .                      C.  $(-\infty; 2)$ .                      D.  $(-\infty; 2]$ .

**Câu 9.** Thể tích của khối chóp có diện tích đáy bằng  $S$ , chiều cao bằng  $h$  là

- A.  $V = \frac{1}{2}S.h$ .                      B.  $V = \frac{1}{3}S.h$ .                      C.  $V = S.h$ .                      D.  $V = \frac{2}{3}S.h$ .

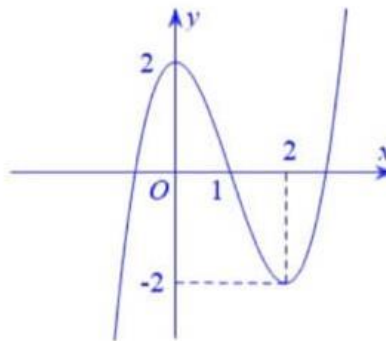
**Câu 10.** Cho hàm số  $y = f(x)$  có đồ thị như hình vẽ dưới đây:



Tiệm cận ngang của đồ thị hàm số là đường thẳng có phương trình

- A.  $x = 1$ .      B.  $y = 1$ .      C.  $x = -\frac{1}{2}$ .      D.  $y = -\frac{1}{2}$ .

**Câu 11.** Cho hàm số  $y = f(x)$  có đồ thị như hình vẽ dưới đây:



Hàm số đã cho đồng biến trên khoảng

- A.  $(2; +\infty)$ .      B.  $(0; 2)$ .      C.  $(1; +\infty)$ .      D.  $(-\infty; 1)$ .

**Câu 12.** Gọi  $F(x)$  là một nguyên hàm của hàm số  $f(x) = 2x - \frac{1}{x}$  thỏa mãn  $F(1) = 1$ . Tính  $F(-1)$ .

- A.  $F(-1) = 1$ .      B.  $F(-1) = 2$ .      C.  $F(-1) = -1$ .      D.  $F(-1) = 0$ .

**PHẦN II.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

**Câu 1.** Cho hàm số  $y = f(x)$  có bảng biến thiên như sau:

$x$	$-\infty$	$-1$	$3$	$+\infty$	
$y'$		$+$	$-$	$0$	$+$
$y$	$-\infty$	$2$	$+\infty$	$-4$	$+\infty$

- a) Đồ thị hàm số  $y = f(x)$  có đúng hai đường tiệm cận.  
 b) Hàm số  $y = f(x)$  đồng biến trên  $(3; +\infty)$ .  
 c) Hàm số  $y = f(x)$  có đúng một điểm cực trị.  
 d) Giá trị nhỏ nhất của  $h(x) = 2f(x) + 2025x$  trên đoạn  $[3; 2025]$  bằng 6083.

**Câu 2.** Trong không gian  $Oxyz$ , cho ba điểm  $A(2; -1; 1)$ ,  $B(-1; 3; -1)$ ,  $C(5; -3; 4)$ .

a) Tích vô hướng của hai vectơ  $\overline{AB}$  và  $\overline{AC}$  bằng  $-23$ .

b) Góc  $\widehat{BAC}$  là góc nhọn.

c) Côsin của góc giữa hai vectơ  $\overline{AB}$ ,  $\overline{AC}$  bằng  $\frac{-23}{\sqrt{638}}$ .

d) Lấy điểm  $M$  trên mặt phẳng  $Oxy$  sao cho biểu thức  $MA^2 + MB^2 + MC^2$  đạt giá trị nhỏ nhất. Khi đó tọa độ của  $M$  là  $\left(2; \frac{-1}{3}; 0\right)$ .

**Câu 3.** Xét phương trình  $2 \sin 3x - 1 = 0$ .

a) Tập nghiệm của phương trình là  $S = \left\{ \frac{\pi}{18} + \frac{k2\pi}{3}; \frac{5\pi}{18} + \frac{k2\pi}{3} \mid k \in \mathbb{Z} \right\}$ .

b) Nghiệm dương nhỏ nhất của phương trình là  $x = \frac{\pi}{18}$ .

c) Phương trình có đúng 3 nghiệm trên  $[0; \pi]$ .

d) Tổng các nghiệm của phương trình thuộc đoạn  $[0; \pi]$  bằng  $2\pi$ .

**Câu 4.** Cho hàm số  $f(x) = \frac{2x+1}{x}$ .

a)  $\int f(x)dx = 2x + \ln|x| + C$ .

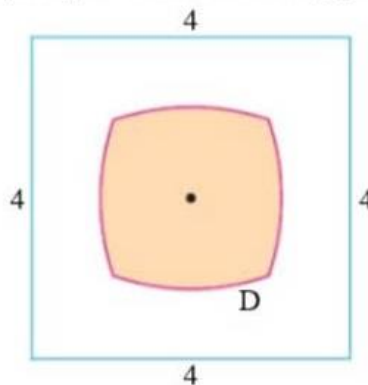
b) Gọi  $F(x)$  là một nguyên hàm của hàm số  $f(x)$  và thỏa mãn  $F(1) = 3$ . Khi đó  $F(x) = 2x + \ln|x| + 1$ .

c)  $\int f'(2x)dx = \frac{-1}{4x} + C$ .

d) Gọi  $G(x)$  là một nguyên hàm của hàm số  $f(x)$ . Biết  $G(2) = 1$  và  $G(5) + G(-5) = 0$ . Khi đó tìm được  $G(-10) = a \ln 10 + b \ln 5 + c \ln 2 + d$ , với  $a, b, c$  là các số hữu tỷ. Khi đó  $a + b + c + d = -19$ .

**PHẦN III.** Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6.

**Câu 1.** Hình vẽ dưới đây cho biết một miền  $D$  (được tô đậm) nằm trong hình vuông cạnh bằng 4. Miền  $D$  này gồm những điểm có khoảng cách tới tâm hình vuông nhỏ hơn hoặc bằng khoảng cách tới cạnh gần nhất của hình vuông. Tính diện tích miền  $D$  (kết quả làm tròn đến hàng phần chục).



**Câu 2.** Một thầy giáo có 16 cuốn sách khác nhau gồm 4 cuốn sách Toán, 5 cuốn sách Lí và 7 cuốn sách Hóa. Thầy lấy ra ngẫu nhiên 8 cuốn sách để tặng cho học sinh. Tính xác suất để số sách còn lại của thầy có đủ cả 3 môn (làm tròn kết quả đến hàng phần trăm).

**Câu 3.** Năm 2025, một cửa hàng cần nhập về tổng cộng 600 chiếc điện thoại. Cửa hàng sẽ nhận theo nhiều lô hàng, mỗi lô hàng chứa số lượng điện thoại bằng nhau. Chi phí vận chuyển là 50 USD cho mỗi lô hàng,

cộng thêm một loại phí vận chuyển nữa là 3 USD cho mỗi chiếc điện thoại và phí này cả năm chỉ tính cho lần vận chuyển đầu tiên. Hỏi cửa hàng đó nên nhập mỗi lô hàng bao nhiêu chiếc điện thoại để chi phí vận chuyển cả năm 2025 thấp nhất?

**Câu 4.** Xét trong không gian  $Oxyz$ , đài kiểm soát không lưu sân bay đặt ở gốc tọa độ  $O(0;0;0)$ , đơn vị trên mỗi trục là ki-lô-mét. Một máy bay chuyển động theo đường thẳng, bay qua hai vị trí  $A(-500;-300;500)$  và  $B(-200;-200;450)$ . Khi máy bay ở gần đài kiểm soát không lưu nhất, tọa độ của máy bay là  $(a;b;c)$ . Tính giá trị của biểu thức  $P = a + b + c$ .

**Câu 5.** Cho hình chóp  $S.ABC$  có  $ABC$ ,  $SAB$  là các tam giác đều và mặt bên  $(SAB)$  vuông góc với mặt đáy. Gọi  $\alpha$  là số đo của góc phẳng nhị diện  $[S, BC, A]$ . Tính  $\cos^2 \alpha$ .

**Câu 6.** Trong một môi trường giới hạn, số lượng một loài sinh vật được cho bởi công thức  $P(t) = \frac{100000}{1 + 4e^{-t}}$  trong đó thời gian  $t$  tính theo đơn vị năm. Tính thời gian cần thiết (theo đơn vị năm) để số lượng loài sinh vật đó đạt 80000 (kết quả làm tròn đến hàng phần trăm).

----- **HẾT** -----

- Thí sinh không được sử dụng tài liệu;
- Giám thị không giải thích gì thêm.